

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÁO CÁO

**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT NĂM HỌC 2021 - 2022,
TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2022 - 2023**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH

**Hội nghị tổng kết năm học 2021 - 2022,
triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023**

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
08:00 - 08:30	Đăng ký đại biểu	Văn phòng Bộ GDĐT
08:30 - 10:50	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Chánh Văn phòng Bộ GDĐT Trần Quang Nam
	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Bộ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Kim Sơn
	Trình bày Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022 - 2023 của ngành Giáo dục	Thứ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Hữu Độ
	Tham luận, thảo luận	Các đại biểu
10:50 - 11:20	Phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo cấp trên	Lãnh đạo Chính phủ
11:20 - 11:30	Bế mạc Hội nghị	Bộ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Kim Sơn

BAN TỔ CHỨC

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của ngành Giáo dục

Năm học 2021 - 2022 là năm học đầu tiên ngành Giáo dục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; đồng thời tiếp tục thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, Quốc hội và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giáo dục và đào tạo. Đây là năm học thứ hai ngành Giáo dục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018. Tuy nhiên, dịch COVID-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng nặng nề đến các hoạt động của ngành. Lần đầu tiên khai giảng năm học phải tổ chức theo hình thức trực tuyến. Kế hoạch năm học bị đứt đoạn, chương trình và nội dung giáo dục phải thay đổi theo hướng chỉ còn phần cốt lõi; gần 20 triệu học sinh, sinh viên phải tạm dừng đến trường, chuyển sang học trực tuyến, học qua truyền hình trong nhiều tháng liên tiếp, trên 70.000 sinh viên không thể ra trường đúng hạn, ảnh hưởng tới việc cung cấp nguồn nhân lực cho đất nước. Nhiều nhiệm vụ quan trọng của ngành Giáo dục không thể tiến hành theo đúng kế hoạch, ảnh hưởng mạnh mẽ tới phát triển đội ngũ, tài chính, việc dạy, học và đảm bảo chất lượng giáo dục; tới tư tưởng, tâm lý của đội ngũ nhà giáo, trẻ em, học sinh, sinh viên và các bậc phụ huynh.

Trước tình hình đó, ngành Giáo dục đã linh hoạt ứng phó, chuyển trạng thái hoạt động, triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 03/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu, chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch COVID-19 và Chỉ thị số 800/CT-BGDĐT ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về thực hiện nhiệm vụ năm 2021 - 2022 ứng phó với dịch COVID-19, tiếp tục thực hiện đổi mới, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo; hoàn thành mục tiêu kép: vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa ra sức phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ năm học, đáp ứng yêu cầu đổi mới và bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo.

Trên cơ sở kết quả công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ GDĐT và kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là các tỉnh, thành phố) và các cơ sở giáo dục, đào tạo, Bộ GDĐT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 và triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2022 - 2023, cụ thể như sau:

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021 - 2022

I. MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM HỌC 2021 - 2022

1. Triển khai kế hoạch năm học 2021 - 2022 linh hoạt, phù hợp với tình hình dịch COVID-19 tại địa phương

Cùng với cả nước, toàn ngành Giáo dục đã triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, hiệu quả các biện pháp về phòng, chống dịch COVID-19 với mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh tới các hoạt động của ngành, củng cố và duy trì chất lượng giáo dục và đào tạo; phối hợp với ngành Y tế chủ động xây dựng các kịch bản, giải pháp ứng phó với tình huống dịch COVID-19 bùng phát trở lại, bảo đảm các hoạt động giáo dục, đào tạo không bị “đứt gãy”.

Năm học 2021 - 2022, lần đầu tiên lễ khai giảng năm học mới được tổ chức linh hoạt theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tùy tình hình dịch bệnh tại các địa phương. Các tỉnh, thành phố đã chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm an toàn, gọn nhẹ, thiết thực, thể hiện tinh thần chia sẻ, động viên học sinh, sinh viên, giáo viên vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ dạy và học.

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, Bộ GDĐT đã triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng và ban hành nhiều văn bản hướng dẫn¹, hỗ trợ các địa phương, các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai dạy học; ban hành Sổ tay đảm bảo an toàn phòng chống COVID-19 trong trường học²; hướng dẫn tinh giản chương trình, chuẩn bị các điều kiện dạy học trực tuyến nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của dịch bệnh, kiên trì theo đuổi mục tiêu chất lượng; cung cấp nguồn học liệu điện tử hỗ trợ dạy học trực tuyến nhằm kịp thời giúp giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh được tiếp cận nguồn học liệu chính thống, chất lượng, đa dạng, phong phú phục vụ hiệu quả quá trình dạy và học trực tuyến.

¹ Quyết định số 2551/QĐ-BGDĐT ngày 04/8/2022 về Khung kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn số 3676/BGDĐT-GDMN ngày 26/8/2021 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non; Công văn số 3636/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2021 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2021-2022; Công văn số 3699/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2021 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022; Công văn số 3677/BGDĐT-GDTrH ngày 26/8/2021 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 -2022 đối với Giáo dục thường xuyên; Công văn số 3550/BGDĐT-GDDT ngày 20/8/2021 Hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 1 năm học 2021-2022; Công văn số 3761/BGDĐT-GDCTCTHSSV ngày 31/8/2021 Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh, sinh viên năm học 2021-2022; Công văn số 3757/BGDĐT-GDTC ngày 31/8/2021 hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2021-2022; Công văn số 3950/BGDĐT-TTr ngày 10/9/2021 Hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và GDTrH; Công văn số 4096/BGDĐT-CNTT ngày 20/9/2021 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022; Công văn số 3969/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2021 hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học năm học 2021 - 2022 ứng phó với dịch COVID-19; Công văn số 4040/BGDĐT-GDTrH ngày 17/9/2021 hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Trung học năm học 2021 - 2022 ứng phó với dịch COVID-19; Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 về hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Công văn số 5766/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2021 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học, đánh giá học sinh tiểu học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ứng phó với dịch COVID-19.

² Quyết định số 543/QĐ-BGDĐT ngày 23/02/2022 phê duyệt Sổ tay đảm bảo an toàn phòng chống COVID-19 (sửa đổi, bổ sung lần 2);

Căn cứ các chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT, các địa phương đã chủ động, linh hoạt xây dựng và triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch năm học để ứng phó với diễn biến khó lường của dịch COVID-19 tại địa phương. Các địa phương tổ chức dạy học các nội dung môn học, hoạt động giáo dục với thời lượng hợp lý, đảm bảo yêu cầu đầu ra của chương trình GDPT; tận dụng tối đa thời gian tổ chức dạy học trực tiếp khi dịch bệnh được kiểm soát, kết hợp dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình khi dịch bệnh diễn biến phức tạp; phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà theo các kênh phù hợp đối với trẻ em mầm non. Các cơ sở giáo dục đại học chủ động tổ chức cho sinh viên học tập trực tuyến để hoàn thiện khối lượng chương trình; tích cực tham gia xây dựng, phát triển hệ thống trực tuyến đại chúng mở (MOOC) và các khóa học trực tuyến dùng chung nhằm tạo ra một nền tảng để kết nối chia sẻ học liệu và thúc đẩy tổ chức dạy học trực tuyến trong các cơ sở đào tạo. Các cơ sở giáo dục đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị trở thành điểm cách ly tập trung, sẵn sàng đón tiếp người trong diện cách ly³ hoặc làm địa điểm tiêm phòng⁴; nhiều trường đại học đã tổ chức đoàn cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên ngành giáo dục, sinh viên tình nguyện tham gia hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh, lên đường chi viện các tỉnh bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

Khi tình hình dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, triển khai thực hiện Nghị quyết số 128/NĐ-CP ngày 11/10/2021 về quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng⁵, với 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm tổ chức các hoạt động dạy và học thích ứng an toàn với dịch COVID-19, giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh, củng cố và duy trì chất lượng giáo dục và đào tạo; hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể tổ chức dạy học trực tiếp trong điều kiện tình hình mới⁶. Trên cơ sở đó, các địa phương đã chủ động, linh hoạt, tổ chức cho học sinh đi học trở lại, theo phương châm khu vực nào kiểm soát được dịch sẽ tổ chức dạy học trực tiếp. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, của Bộ GDĐT và chính quyền các địa phương, hầu hết các tỉnh, thành phố đã cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên các cấp đi học trở lại trong tháng 02/2022 (Hà Nội là địa phương cuối cùng cho trẻ em mầm non đi học trở lại vào ngày 14/4/2022).

Khi học sinh mới trở lại trường học, các cơ sở giáo dục đã tổ chức tư vấn, hỗ trợ tâm lý, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho học sinh chuyển trạng

³ Đại học Quốc gia TP HCM, Trường Đại học FPT, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học An Giang,...

⁴ Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Trường Đại học Y Hà Nội,...

⁵ Kế hoạch số 353/KH-BGDĐT ngày 29/3/2022 Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng.

⁶ Công văn số 283/BGDĐT-GDTC ngày 24/01/2022 của Bộ GDĐT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về việc tổ chức dạy học trực tiếp tại các cơ sở giáo dục; Công văn số 4726/BGDĐT – GDTC ngày 19/10/2021 và Công văn số 283/BGDĐT-GDTC ngày 24/01/2022 về việc tổ chức các hoạt động dạy học trực tiếp, đảm bảo an toàn phòng chống dịch; Công văn số 5969/BGDĐT-GDMN ngày 20/12/2021 của Bộ GDĐT về việc bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19 khi tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cơ sở GDMN; Công văn số 1239/BGDĐT-GDTC về việc tổ chức dạy học trực tiếp bảo đảm an toàn cho trẻ em mầm non, học sinh tại các cơ sở giáo dục

thái từ học trực tuyến, học qua truyền hình sang học tập trực tiếp tại trường; tổ chức ôn tập, củng cố, bổ sung nội dung kiến thức phù hợp với các nhóm đối tượng học sinh; sử dụng hiệu quả thời gian còn lại của năm học để tiếp tục tổ chức dạy học các nội dung cơ bản, cốt lõi theo hướng dẫn của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của nhà trường và các đối tượng học sinh. Hầu hết các cơ sở giáo dục đều xây dựng phương án kiểm tra, đánh giá trực tiếp, kể cả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, bảo đảm nghiêm túc, đúng quy chế về kiểm tra, đánh giá học sinh và các quy định phòng, chống dịch COVID-19.

Ngành Giáo dục phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế tổ chức thành công chiến dịch tiêm vắc-xin phòng dịch cho người học theo hướng dẫn của Bộ Y tế; thường xuyên cập nhật số liệu phân bổ vắc-xin dùng để tiêm cho học sinh, trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi và học sinh từ 12 đến 18 tuổi ở các địa phương nhằm đẩy mạnh tiến độ tiêm chủng cho học sinh⁷; triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh cho cán bộ, giáo viên và phụ huynh học sinh⁸; phối hợp chặt chẽ với gia đình theo dõi, quản lý sức khỏe của người học để phòng ngừa, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh nhằm xử lý, ngăn chặn kịp thời⁹; các cơ sở giáo dục đã chủ động phối hợp với các cơ sở y tế địa phương xây dựng các phương án phòng dịch và xử lý các tình huống phát sinh một cách kịp thời và hiệu quả. Tính đến ngày 31/7/2022, số học sinh từ 12 đến 17 tuổi tiêm vắc-xin cập nhật trên hệ thống: mũi 1 đạt 98,4%, mũi 2 đạt 94,8%.

Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai chương trình “Sóng và máy tính cho em” nhằm hỗ trợ thiết bị học trực tuyến, dịch vụ viễn thông cho các cơ sở giáo dục, học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam (kênh VTV1, VTV2, VTV7) tổ chức sản xuất bài giảng và phát sóng trên truyền hình, trong đó ưu tiên cho lớp 1, lớp 2 là những đối tượng khó thực hiện việc học trực tuyến. Các đài truyền hình tỉnh, thành phố thực hiện tiếp sóng hoặc phát lại các chương trình này trong các khung giờ phù hợp trên sóng truyền hình địa phương.

Xây dựng Kho bài giảng điện tử phục vụ dạy học trực tuyến và chuyển đổi số trong giáo dục. Đến nay, kho học liệu số đặt tại địa chỉ igiaoduc.vn đã tiếp nhận 41.670 bài giảng, trong đó có 26.374 bài giảng E-learning và 15.296 video bài giảng. Trong đó, số bài giảng thuộc Chương trình GDPT 2018 chiếm tỷ lệ 37% (bao gồm: 7.255 bài giảng đối với lớp 6; 4.341 bài giảng lớp 2 và 3.950 bài giảng đối với lớp 1).

Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19¹⁰, nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập, các trường tiểu học tư thục bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 được vay vốn để sửa chữa cơ

⁷ Công văn số 75/BGDĐT-GDTC ngày 10/01/2022 về việc phối hợp cung cấp số liệu phân bổ vắc-xin cho trẻ em.

⁸ Công văn số 33/BGDĐT-GDTC ngày 06/01/2022 về việc tăng cường chỉ đạo phòng, chống dịch trong trường học.

⁹ Công văn số 892/BGDĐT-GDTC ngày 14/3/2022 về việc phối hợp tổ chức tiêm vắc xin cho trẻ em, học sinh từ 5 đến dưới 12 tuổi và cập nhật, báo cáo thông tin.

¹⁰ Quyết định số 11/2022/QĐ-TTG ngày 27/4/2022 về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch COVID-19; mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phục hồi, duy trì hoạt động và Quyết định tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học trực tuyến¹¹. Tính đến nay, đã có 349 cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập được vay vốn với số tiền 28,585 tỷ đồng và đã có 17.306 học sinh, sinh viên được vay với tổng số tiền là 237,715 tỷ đồng để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến.

Với việc triển khai kịp thời, đồng bộ nhiều giải pháp trong công tác phòng, chống dịch và thực hiện kế hoạch năm học, toàn ngành Giáo dục đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch năm học vừa đảm bảo phòng, chống dịch COVID-19; vừa bảo đảm chất lượng giáo dục.

2. Duy trì chất lượng giáo dục các cấp học

a) Giáo dục mầm non

Bộ GDĐT tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non, Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025” và Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện nhiều giải pháp đảm bảo an toàn cho trẻ em và duy trì hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non.

Đặc biệt, trong bối cảnh ứng phó với dịch COVID-19, do không tổ chức dạy học trực tuyến đối với giáo dục mầm non nên các địa phương đã tổ chức phối hợp, chia sẻ, tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn cha mẹ thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý và tổ chức cho trẻ em hoạt động vui chơi tại nhà; giáo viên lựa chọn và hướng dẫn phụ huynh tổ chức những hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ em tại nhà để hướng tới đạt được mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo Chương trình Giáo dục mầm non. Bộ GDĐT đã xây dựng cẩm nang hướng dẫn phụ huynh về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non khi trẻ ở nhà (gồm 5 video clip); phát triển trên kho học liệu số 271 bài giảng điện tử (gồm 54 bài giảng dành cho nhà trẻ và 217 bài giảng cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi). Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GDĐT, các địa phương¹² tiếp tục triển khai xây dựng các video/clip, các sản phẩm công nghệ phù hợp điều kiện thực tiễn của địa phương nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non.

Mặc dù vậy, do phần lớn thời gian trẻ em mầm non phải nghỉ ở nhà không được đến trường nên đã ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non và việc chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1. Việc ở nhà thời gian dài đã ảnh hưởng đến nề nếp, thói quen thực hiện chế độ sinh hoạt theo yêu cầu phát triển của độ tuổi. Một số trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ dân tộc thiểu số (không được ăn trưa tại trường), trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ em là con công nhân mất việc làm... có nguy cơ chậm phát triển. Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trong thời gian dài không có doanh thu, đời

¹¹ Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/04/2022 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến..

¹² TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Nghệ An, Đà Nẵng, Hải Phòng, Thái Nguyên,...

sống giáo viên hết sức khó khăn, nhiều giáo viên phải chuyển sang các công việc khác. Nhiều trường mầm non ngoài công lập phải giải thể, đóng cửa trường, đối mặt với nguy cơ vỡ nợ về tài chính¹³.

Có thể nói, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, các địa phương đã chủ động, tích cực triển khai Chương trình Giáo dục mầm non; tạo điều kiện thuận lợi để huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi đến trường, tập trung mọi nguồn lực với nhiều giải pháp¹⁴ tích cực để củng cố, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Kết quả, cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 713/713 đơn vị cấp huyện (100%) duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 99,94% đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,78%; tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 99,7%. Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi được học 2 buổi/ngày đạt 99,9%.

b) Giáo dục phổ thông

Triển khai Chương trình GDPT 2018, đặc biệt đối với lớp 2 và lớp 6 trong năm học 2021 - 2022, Bộ đã ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT¹⁵; tổ chức thẩm định và phê duyệt Chương trình giáo dục tích hợp¹⁶, danh mục sách giáo khoa (SGK) lớp 3, lớp 7, lớp 10 để thực hiện theo đúng lộ trình đổi mới Chương trình và SGK GDPT quy định tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội¹⁷. Kiểm tra, tư vấn và phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 1, lớp 2, lớp 3¹⁸; thẩm định SGK và tài liệu hướng dạy học tiếng dân tộc thiểu số lớp 1, lớp 2. Hướng dẫn các địa phương tổ chức lựa chọn SGK chuẩn bị triển khai năm học 2022 - 2023¹⁹. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành để ban hành các chế độ, chính sách liên quan đến triển khai Chương trình GDPT 2018²⁰;

¹³ Theo báo cáo của địa phương, từ tháng 5/2021 đến nay có trên 28.500 cơ sở GDMN phải tạm dừng hoạt động để phòng chống dịch, trong đó hơn 20.000 cơ sở đã phải dừng hoạt động từ 3- 6 tháng GDMN (khoảng 7.900 trường và hơn 12.000 cơ sở GDMN độc lập). Có trên 100.000 CBGVNV trong cơ sở GDMN ngoài công lập không có thu nhập từ 3 tháng trở lên, trong số đó, hầu hết không có thu nhập trong hơn 6 tháng qua; 101.845 CBGVNV trong các cơ sở GDMN ngoài công lập không đủ điều kiện hưởng hỗ trợ do chưa tham gia BHXH bắt buộc.

¹⁴ Hiện có 44 tỉnh/thành phố đã ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân, trong đó, có 37 tỉnh có chính sách đối với trẻ em và giáo viên khu công nghiệp; có 25 tỉnh có chính sách cho nhóm lớp độc lập khu công nghiệp khu công nghiệp.

¹⁵ Thông tư số 05/2022/TT-BGDĐT ngày 19/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn, tổ chức cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁶ Quyết định số 1680/QĐ-BGDĐT ngày 17/6/2022; Quyết định số 1560/QĐ-BGDĐT ngày 13/6/2022; Quyết định số 1561/QĐ-BGDĐT ngày 13/6/2022;

¹⁷ Quyết định số 438/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022 phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 3 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

¹⁸ Đối với lớp 2 đã có 60 tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị Bộ phê duyệt, trong đó đã tham mưu Lãnh đạo Bộ kí ban hành Quyết định phê duyệt tài liệu GDĐP lớp 2 đối với 51 tỉnh, thành phố. Đối với lớp 3, có 22 tỉnh, thành phố gửi hồ sơ đề nghị Bộ phê duyệt, hiện đang tiến hành đọc, rà soát, tư vấn cho các tỉnh có hồ sơ đề nghị phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 3 gửi về.

¹⁹ Công văn số 686/BGDĐT-GDTrH ngày 03/3/2022 về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa chuẩn bị triển khai năm học 2022 - 2023.

²⁰ Bộ Tài chính ban hành Công văn số 1671/BTC-HCSN ngày 21/02/2022 của Bộ Tài chính về nội dung, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

triển khai đánh giá tác động của việc tăng học phí, giá SGK tới học sinh, sinh viên, hộ gia đình có thu nhập thấp, có hoàn cảnh khó khăn để hỗ trợ kịp thời²¹.

Các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy các môn học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, vừa bảo đảm an toàn phòng, chống dịch COVID-19, vừa bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh, vừa bảo đảm yêu cầu chuẩn đầu ra của Chương trình GDPT 2018. Các cơ sở giáo dục đã thực hiện dạy học theo mức độ cần đạt của chương trình và hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học các môn học²². Kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo thống nhất giữa kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2018 và kế hoạch thực hiện Chương trình GDPT 2006, tích hợp lồng ghép các nội dung dạy học với các hoạt động trải nghiệm khác để tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh đảm bảo mục tiêu hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Hầu hết các cơ sở giáo dục đều tổ chức kiểm tra, đánh giá trực tiếp, bảo đảm nghiêm túc, đúng quy chế về kiểm tra, đánh giá học sinh và các quy định về phòng, chống dịch COVID-19.

Để chuẩn bị cho việc triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3 vào năm học 2022 - 2023, Bộ GDĐT đã hướng dẫn các địa phương rà soát, chuẩn bị đội ngũ, phương án triển khai 02 môn học bắt buộc này từ năm học 2022 - 2023, đảm bảo khi vào năm học mới, tất cả học sinh lớp 3 đều được học 02 môn học này theo đúng yêu cầu của Luật Giáo dục và Chương trình GDPT 2018.

Về môn Lịch sử trong Chương trình GDPT 2018, Bộ GDĐT đã tổ chức tham vấn ý kiến chuyên gia, lắng nghe những ý kiến phân tích về cách bố trí và tổ chức dạy học môn Lịch sử trong Chương trình GDPT 2018. Bộ GDĐT đã trình và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho phép ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn Thông tư sửa đổi, bổ sung Chương trình GDPT 2018²³ theo hướng giữ nguyên định hướng đổi mới, kiên trì việc phân luồng theo định hướng nghề nghiệp trong Chương trình GDPT 2018; đồng thời có sự điều chỉnh chương trình môn Lịch sử cho phù hợp hơn. Theo đó môn Lịch sử trong Chương trình GDPT 2018 được thiết kế bao gồm cả phần bắt buộc và phần lựa chọn; trong đó, giữ nguyên phần lựa chọn là phần chuyên đề học tập Lịch sử 35 tiết/năm học; chuyên môn Lịch sử trong nhóm khoa học xã hội thành phần Lịch sử bắt buộc với thời lượng 52 tiết/lớp/năm học; giảm số môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp còn 4 môn học.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục được các địa phương quan tâm nhằm củng cố, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục vững chắc và phân đầu đạt chuẩn mức độ cao hơn để nâng cao chất lượng giáo dục; tạo điều kiện thuận lợi để huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi vào học tiểu học, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em khuyết tật. Năm học 2021 - 2022, cả nước

²¹ Công văn số 2659/BGDĐT-KHTC ngày 24/6/2022 về việc xin ý kiến Dự thảo báo cáo triển khai Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5/2022.

²² Theo hướng dẫn tại Công văn 4040/BGDĐT- GDTrH của Bộ GDĐT.

²³ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 02/8/2022 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trong đó có 25/63 tỉnh, thành phố được Bộ GDĐT công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt tỷ lệ 40%²⁴ (tăng 5% so với năm học trước).

Chất lượng giáo dục của các trường phổ thông dân tộc nội trú dần được nâng lên, phần lớn các trường đã trở thành các cơ sở giáo dục có chất lượng tại các vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Năm học 2021 - 2022, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của các trường phổ thông dân tộc nội trú đạt 99,7%; tốt nghiệp trung học phổ thông của các trường phổ thông dân tộc nội trú đạt 98,7%. Chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông có học sinh bán trú có nhiều chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ học sinh bán trú cấp tiểu học hoàn thành cấp học đạt 98,9%, học sinh bán trú cấp trung học cơ sở hoàn thành cấp học đạt 92%; có 15,5% số trường phổ thông dân tộc bán trú được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Triển khai Chương trình "Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030"²⁵, các địa phương đã chú trọng việc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 như: tổ chức lớp chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ (khoảng 1 đến 2 tháng) trước khi vào lớp 1; biên soạn tài liệu chuẩn bị và tăng cường tiếng Việt phù hợp với địa phương; cấp phát miễn phí SGK, tài liệu tham khảo và đồ dùng học tập cho học sinh học tiếng dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, các địa phương tiếp tục tổ chức thực hiện theo chương trình và các bộ SGK tiếng dân tộc hiện hành (08 chương trình Chăm, Khmer, Jrai, Bahnar, Êđê, Hmông, M'Nông, Thái; 06 bộ sách giáo khoa các tiếng Chăm, Khmer, Jrai, Bahnar, Hmông, Êđê).

Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận với giáo dục và tham gia học tập ở cấp tiểu học và trung học cơ sở tăng, chủ yếu học hòa nhập tại các trường tiểu học và trung học cơ sở. Bộ GDĐT đã chỉ đạo xây dựng các tài liệu về giáo dục học sinh khuyết tật, như: Hệ thống ngôn ngữ ký hiệu và Hệ thống chữ nổi Braille; tài liệu hướng dẫn giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật cấp mầm non; tài liệu hướng dẫn đánh giá học sinh khuyết tật cấp tiểu học; tài liệu hướng dẫn sử dụng bộ công cụ ASQ-3 trong các cơ sở giáo dục mầm non; tài liệu bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, cao học và tiến sĩ giáo dục đặc biệt; chương trình đào tạo sinh viên là người điếc và đào tạo trình độ cao đẳng cho người điếc; phát triển chương trình giáo dục học sinh khuyết tật trên cơ sở Chương trình GDPT 2018.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam, sự phối hợp hiệu quả của các ban, bộ, ngành Trung ương, đặc biệt là sự vào cuộc tích cực, quyết liệt, trách nhiệm của các địa phương, Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 đã được tổ chức thành

²⁴ Gồm các tỉnh: Thái Bình, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Hà Nam, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Ninh Bình, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hà Nội, Hà Tĩnh, Phú Thọ, Hoà Bình, Thanh Hoá, Hậu Giang, Khánh Hoà, Phú Yên, Bình Phước, Cao Bằng, Thừa Thiên Huế, Quảng Ninh, Kiên Giang, Yên Bái, Nghệ An.

²⁵ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 Phê duyệt Chương trình "Nâng cao chất lượng dạy học các môn tiếng DTTs trong chương trình GDPT giai đoạn 2021 - 2030"

công, bảo đảm nghiêm túc, công bằng và an toàn, với tổng số thí sinh dự thi là 989.863, đạt tỷ lệ 98,75% so với tổng số thí sinh đăng ký dự thi. Đây cũng là năm đầu tiên thí sinh đang học lớp 12 thực hiện đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức trực tuyến trên hệ thống quản lý thi. Nội dung đề thi nằm trong chương trình trung học phổ thông, chủ yếu lớp 12, các nội dung kiến thức được tinh giản do tác động của dịch COVID-19 các năm học trước không đưa vào đề thi năm nay. Đề thi có sự phân hóa phù hợp bảo đảm khách quan để xét công nhận tốt nghiệp và cung cấp dữ liệu cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp sử dụng để tuyển sinh theo tinh thần tự chủ. Phổ điểm từng môn thi và phổ điểm các tổ hợp xét tuyển truyền thống được phân tích chi tiết và thông tin công khai.

Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia tiếp tục đổi mới và đạt được kết quả tốt²⁶. Công tác tuyển chọn, tập huấn các đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế tiếp tục đổi mới theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Kết thúc đợt thi Olympic khu vực, quốc tế năm 2022, các đội tuyển đều đạt thành tích vượt trội và dư luận xã hội đánh giá cao. Cụ thể: 39 lượt học sinh tham gia dự thi, có 37/39 học sinh đạt giải với: 12 Huy chương Vàng, 11 Huy chương Bạc, 9 Huy chương Đồng; 05 Bằng khen²⁷. Trong đó, đội tuyển Olympic Hóa học quốc tế có 4/4 thí sinh dự thi đều đạt Huy chương Vàng, xếp thứ 2 trên thế giới; Olympic Toán học quốc tế xếp thứ 4 trên thế giới; Olympic Vật lý quốc tế xếp thứ 5 trên thế giới. Đặc biệt, đội tuyển Olympic Toán học Quốc tế, có một học sinh đạt điểm tuyệt đối 42/42 điểm²⁸.

Thành tích xuất sắc của các đội tuyển đã khẳng định nỗ lực vượt bậc trong học tập, rèn luyện của học sinh, giáo viên và các nhà trường trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; đồng thời, khẳng định chất lượng GDPT, ngay cả trong 3 năm học chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 và hướng đi đúng trong công tác dạy học, phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi của ngành Giáo dục.

c) Giáo dục thường xuyên

Bộ GDĐT đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”²⁹ nhằm tạo chuyển biến cơ bản trong xây dựng xã hội học tập, bảo đảm đến năm 2030 mọi người dân đều có cơ hội, bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, liên thông,

²⁶ Kết quả, có 2.319 thí sinh đạt giải, tỷ lệ đạt giải là 49,6%, tương đương với năm học trước và giảm so với giai đoạn 2015 - 2020 (tỷ lệ đạt giải từ 50 - 60%).

²⁷ Olympic Vật lý châu Âu có 03/05 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 02 Huy chương bạc và 01 Huy chương đồng); Olympic Vật lý Châu Á - Thái Bình Dương có 08/08 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 01 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng và 05 Bằng khen); Olympic Tin học Châu Á - Thái Bình Dương có 07/07 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 03 Huy chương Vàng và 04 Huy chương Bạc); Olympic Toán học quốc tế có 06/06 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 02 Huy chương Vàng, 02 Huy chương Bạc, 02 Huy chương Đồng); Olympic Vật lý quốc tế có 05/05 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 03 Huy chương Vàng, 01 Huy chương Bạc, 01 Huy chương Đồng); Olympic Sinh học quốc tế có 04/04 thí sinh dự thi đạt giải (gồm 01 huy chương Bạc và 03 huy chương Đồng); Olympic Hóa học quốc tế có 04/04 thí sinh dự thi đạt giải (04 huy chương Vàng).

²⁸ Kể từ lần đầu tham dự vào năm 1974, đến nay đoàn học sinh Việt Nam chỉ có 10 người đạt điểm tuyệt đối tại Kỳ thi Olympic Toán học Quốc tế và đã 19 năm kể từ lần cuối cùng (năm 2003), Việt Nam mới có học sinh giành điểm tối đa.

²⁹ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 phê duyệt đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”

hiện đại với nhiều mô hình, phương thức và trình độ đào tạo. Các địa phương từ cấp xã đến cấp tỉnh đều xây dựng kế hoạch triển khai³⁰ và tổ chức quán triệt, phổ biến, truyền thông nội dung của Đề án dưới nhiều hình thức khác nhau³¹ nhằm tuyên truyền sâu rộng trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò quan trọng của công tác khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”, các cơ sở giáo dục, các trung tâm học tập cộng đồng tích cực đổi mới hoạt động và nâng cao chất lượng thư viện trường học; xây dựng thư viện lớp học, thư viện xanh, góc đọc, tủ sách cùng học, tủ sách thực nghiệp, không gian đọc... và tổ chức các hoạt động khuyến đọc trong nhà trường, gia đình, dòng họ và cộng đồng.

Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được các địa phương quan tâm. Năm học 2021 - 2022, các cơ sở giáo dục đã tổ chức các lớp học xóa mù chữ linh hoạt về thời gian, địa điểm, phù hợp với tập quán sinh hoạt và tình hình dịch COVID-19 tại địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên theo học đảm bảo số lượng và chất lượng. Đến nay, đã có 63/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, có 44/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2³², đạt 69,84% (tăng 15,88% so với năm học 2020-2021³³).

Hầu hết các cơ sở giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT theo hướng mở; thực hiện đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong chương trình GDPT hiện hành phù hợp với Chương trình GDPT 2018; thực hiện giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường; phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung cấp và cơ sở dạy nghề tại địa phương cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời về nhu cầu lao động, thị trường lao động để có cơ sở định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Việc triển khai các chương trình giáo dục (thuộc chương trình đề cập văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân) trong các cơ sở giáo dục thường xuyên được thực hiện hiệu quả, đúng quy định. Tính đến nay, cả nước có 8.685 học viên tham gia học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở; gần 350.000 học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ

³⁰ Có 62/63 địa phương đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập GD 2021-2030.

³¹ Như: xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề trên phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí, các tập san về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời và Ngày Sách Việt Nam hằng năm; tuyên truyền giới thiệu các tập thể, cá nhân điển hình về học tập, tự học thành tài; tuyên truyền về tấm gương tập thể, cá nhân tiêu biểu phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập.

³² 19 tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Lai Châu, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Yên Bái, Quảng Trị, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Thuận, Ninh Thuận, An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau.

³³ 10 tỉnh nâng chuẩn từ xóa mù chữ mức độ 1 lên mức độ 2: Sơn La, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Khánh Hòa, Kon Tum, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Kiên Giang, Cần Thơ.

thông³⁴ (tăng gần 30.000 người so với năm học 2020 - 2021). Kết quả đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông của học viên Chương trình giáo dục thường xuyên trên toàn quốc là 93,32% (tăng 3% so với năm học 2020 - 2021).

Bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học các chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, các Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đã linh hoạt trong tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng như: tổ chức các khóa bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non, phổ thông; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; giáo dục kỹ năng sống; các lớp chuyên đề phổ biến kiến thức cho người dân có nhu cầu. Trong năm học 2021 - 2022, cả nước có hơn 16.360.000 lượt người tham gia học tập các chuyên đề tại các Trung tâm học tập cộng đồng và các Trung tâm giáo dục thường xuyên (tăng 12% so với năm học trước).

3. Triển khai đồng bộ các giải pháp duy trì chất lượng đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho đất nước

Bộ GDĐT đang khẩn trương triển khai xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050³⁵ theo hướng thiết lập một hệ thống GDĐH mở, công bằng, bình đẳng, chất lượng, hiệu quả và phục vụ nhu cầu học tập suốt đời; đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao, tăng cường ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; bảo đảm đầu tư công bằng, khách quan, khoa học, công khai, minh bạch và hiệu quả, đồng thời là cơ sở huy động nguồn lực xã hội phát triển mạng lưới cơ sở GDĐH.

Tiếp tục hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, làm cơ sở pháp lý để các cơ sở GDĐH triển khai thực hiện tự chủ theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH. Bộ GDĐT đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm kịp thời đã tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục, đặc biệt đã giao quyền chủ động cho các địa phương xem xét, quyết định không thu học phí khi thiên tai, dịch bệnh, sự kiện bất khả kháng có thể xảy ra; Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Đồng thời, tiếp tục ban hành các Thông tư³⁶ về quy

³⁴ Một số tỉnh việc huy động được nhiều học viên như: Hà Nội (40.977); TP Hồ Chí Minh (28.491); Đồng Nai (19.641); Thanh Hóa (16.375); Hải Dương (10.502); Bắc Giang (10.473); Vĩnh Phúc (10.396); Quảng Ninh (9.042).

³⁵ Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 17/02/2021 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

³⁶ (1) Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; (2) Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong CSGDD; (3) Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình GDĐH; (4) Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; (5) Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh

chế tuyển sinh và đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, quy định về chuẩn chương trình đào tạo, danh mục thống kê ngành đào tạo... nhằm hoàn thiện khung khổ chính sách để nâng cao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở đào tạo theo Luật GDĐH.

Tổ chức Hội nghị đánh giá về tình hình thực hiện tự chủ đại học thời gian qua. Đến nay, cả nước có 154/170 cơ sở GDĐH công lập đã thành lập Hội đồng trường và đi vào hoạt động (đạt tỷ lệ 90,6%) theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; trong đó, có 36/36 cơ sở GDĐH công lập trực thuộc Bộ GDĐT đã thành lập Hội đồng trường. Việc thành lập Hội đồng trường tại các trường trực thuộc các Bộ, ngành, địa phương đạt tỷ lệ 91,18%; trong đó, 15 cơ sở GDĐH công lập thuộc các Bộ, ngành, địa phương đang xây dựng và trình cấp có thẩm quyền công nhận Hội đồng trường.

Các cơ sở GDĐH tự chủ đã chủ động rà soát, kiện toàn lại tổ chức bộ máy và nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Vai trò của Hội đồng trường được cụ thể hóa và nâng cao trong tổ chức quản trị hoạt động của hầu hết các cơ sở GDĐH. Các cơ sở GDĐH đã chủ động tăng số lượng giảng viên và giảm số lượng lao động khối hành chính³⁷; đồng thời, thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia giỏi tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học³⁸ với mục tiêu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao thu nhập cho giảng viên; đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm đáp ứng đầy đủ hơn điều kiện giảng dạy và nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng; liên kết với thị trường lao động, đào tạo đi vào thực chất; tăng cường kiểm soát các khoản chi, gia tăng tiết kiệm, bảo đảm tính hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn lực.

Kết quả thực hiện tự chủ về chuyên môn học thuật ở các cơ sở GDĐH cũng cho thấy, thực hiện tự chủ trong việc mở ngành đào tạo/chương trình liên kết đào tạo là một nội dung quan trọng trong hoạt động tự chủ; bên cạnh việc mở ngành đào tạo mới, phát triển các chương trình liên kết đào tạo trong và ngoài nước, các trường cũng tích cực điều chỉnh các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu người học³⁹; đổi mới phương pháp giảng dạy tiên tiến, tiếp cận với chuẩn đào tạo và chương trình đào tạo quốc tế, chủ động tăng cường công tác bảo đảm chất lượng

đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; (6) Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; (7) Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

³⁷ Theo thống kê đến hết năm 2021 của Bộ GDĐT, tỷ lệ giảng viên trên tổng số cán bộ, giảng viên và người lao động của các cơ sở GDĐH chiếm 71%, lớn nhất trong cơ cấu nhân lực của nhà trường, hơn gấp đôi số cán bộ quản lý và chuyên viên hành chính.

³⁸ Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng từ 25% (năm 2018) lên trên 31% (năm 2021). Tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư và phó giáo sư cũng tăng dần đều hàng năm (tỷ lệ giáo sư tăng thêm 0,5%/năm; phó giáo sư tăng thêm 5-6%/năm). Tỷ lệ trợ giảng có trình độ đại học giảm mạnh (giảm trên 50% từ 2016 đến 2021).

³⁹ Từ đầu năm 2018 đến 31/12/2021, có 818 ngành đào tạo do cơ sở GDĐH tự chủ mở; trong đó đã có các ngành đáp ứng nhu cầu nhân lực trong các lĩnh vực mới như: khoa học dữ liệu, phân tích kinh doanh, IoT và trí tuệ nhân tạo ứng dụng, nghệ thuật số, robot và trí tuệ nhân tạo, digital marketing...

và kiểm định chất lượng giáo dục. Có thể thấy, tự chủ đại học đã tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong tuyển sinh, thu hút sinh viên giỏi. Quy mô tuyển sinh sinh viên hệ đại trà sau tự chủ có xu hướng giảm và thay vào đó là tăng quy mô tuyển sinh các chương trình đào tạo tiên tiến, đào tạo chất lượng cao, liên kết đào tạo với nước ngoài và đào tạo bằng tiếng Anh.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng GDDH giai đoạn 2019 - 2025⁴⁰; Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở GDDH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT giai đoạn 2019 - 2030⁴¹; tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, thành lập và đẩy mạnh hoạt động của các hội đồng tư vấn khối ngành để xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cho các lĩnh vực, các nhóm ngành của GDDH. Tiếp tục phát triển mô hình trường đại học xuất sắc⁴²; thúc đẩy hợp tác đại học - doanh nghiệp, gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội. Các cơ chế, chính sách này có tác động lớn và tính lan tỏa cao, phát huy nội lực của toàn hệ thống.

Các cơ sở GDDH ngày càng chủ động hơn trong việc quyết định hướng nghiên cứu và tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, từ đó chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tính riêng các trường trực thuộc Bộ GDĐT, số công bố khoa học quốc tế⁴³, công bố trong nước, sáng chế và tài sản trí tuệ khác tăng dần qua các năm; nhiều đề tài, nhiệm vụ đã đóng góp quan trọng, thiết thực cho các ngành công nghiệp, cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương⁴⁴.

Nhiều chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học trên thế giới, chương trình đào tạo tiên tiến tiếp tục được nhiều cơ sở GDDH quan tâm phát triển. Tính đến tháng 12/2021, cả nước có 408 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đang hoạt động⁴⁵. Trong đó, các cơ sở GDDH tự chủ đã phê duyệt tổng cộng 186 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, 124 chương trình ở trình độ đại học; 58 chương trình ở trình độ thạc sĩ và 04 chương trình ở trình độ tiến sĩ. Do đó, sinh viên có cơ hội được học tập các chương trình quốc tế, được nhận bằng của các trường quốc tế.

Số lượng cơ sở GDDH được kiểm định ngày càng tăng. Tính đến ngày 30/6/2022, theo tiêu chuẩn trong nước, có 266 cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá chu kỳ 1 (trong đó, có 236 cơ sở GDDH và 28 trường Cao đẳng sư

⁴⁰ Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴¹ Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴² Trường Đại học Việt - Pháp, Việt - Đức, Việt - Nhật.

⁴³ Năm 2021, các trường trực thuộc công bố 4.332 bài báo khoa học trên tạp chí thuộc cơ sở dữ liệu Web of Science, tăng gần 20% so với năm 2020.

⁴⁴ Sở hữu trí tuệ 2019-2021 (số đăng ký/số cấp bằng): Sáng chế: 129/41; Giải pháp hữu ích: 124/57; Tài sản trí tuệ khác: 45/19.

⁴⁵ Phân loại theo quốc gia chủ yếu vẫn là các chương trình LKĐT với các cơ sở GDDH tại Vương quốc Anh (101 chương trình), Hoa Kỳ (59), Cộng hòa Pháp (53), Australia (37) và Hàn Quốc (27); các nước có nền GDDH phát triển và các cơ sở GDDH uy tín, xếp thứ hạng cao trên thế giới như New Zealand (16 chương trình), CHLB Đức (10 chương trình) và Vương quốc Bỉ (10 chương trình). Phân loại các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo nhóm ngành đào tạo, tỷ lệ các chương trình đào tạo trong nhóm ngành kinh tế và quản lý vẫn chiếm đa số với 64% (trong đó có 85/408 chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh). Các chương trình đào tạo các ngành trong nhóm ngành khoa học và công nghệ chiếm 25%; trong nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn chiếm 8% và các ngành khác (như Y khoa, Dược, Luật) chỉ chiếm 3%

phạm) và 22 cơ sở GDĐH hoàn thành tự đánh giá chu kỳ 2; 174 cơ sở GDĐH và 11 trường cao đẳng sư phạm được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; 705 chương trình đào tạo hoàn thành báo cáo tự đánh giá (*trong đó có 559 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài*) và 470 chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo bộ tiêu chuẩn Bộ GDĐT ban hành⁴⁶. Theo tiêu chuẩn nước ngoài, có 07 trường đại học được đánh giá ngoài và được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục của Hội đồng Cấp cao về Đánh giá nghiên cứu và GDĐH Pháp (HCERES) và AUN-QA; 308 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận bởi 10 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài có uy tín.

Theo kết quả xếp hạng các quốc gia về lĩnh vực giáo dục năm 2021 của USNEWS⁴⁷, Việt Nam xếp thứ 59, tăng 5 bậc so với năm 2020 (tuy nhiên vẫn xếp sau một số nước trong khu vực Đông Nam Á⁴⁸). Các cơ sở GDĐH Việt Nam tiếp tục được xếp hạng cao và tăng thứ bậc trên các bảng xếp hạng uy tín quốc tế. So với các năm trước, năm 2022 là một bước nhảy vọt khi có tới 5 đại diện của Việt Nam được lọt vào bảng xếp hạng THE⁴⁹; có 05 cơ sở GDĐH trong Bảng xếp các trường đại học tốt nhất toàn cầu năm 2022 (Best Global Universities)⁵⁰; có thêm 02 cơ sở GDĐH (tổng là 05 cơ sở) có tên trong bảng xếp hạng QS World University Rankings 2023⁵¹; 10 cơ sở GDĐH trong bảng xếp hạng Webometrics⁵²; 05 cơ sở giáo dục trong bảng xếp hạng các trường đại học ở các nền kinh tế mới nổi 2021 (THE Emerging Economies University Rankings 2021)⁵³; 11 cơ sở GDĐH trong bảng xếp hạng đại học châu Á (QS Asian University Rankings 2022)⁵⁴; 07 cơ sở GDĐH tại bảng xếp hạng THE Impact Rankings năm 2022⁵⁵.

Tổ chức thành công Ngày hội Khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên

⁴⁶ Bộ tiêu chuẩn được xây dựng theo hướng tiếp cận với tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Mạng lưới bảo đảm chất lượng các trường đại học ASEAN.

⁴⁷ Kết quả xếp hạng giáo dục quốc gia của USNEWS dựa trên khảo sát toàn cầu về ba thuộc tính cùng trọng số của mỗi quốc gia: có hệ thống giáo dục công phát triển tốt; mọi người có cân nhắc theo học đại học ở đó hay không; quốc gia đó có cung cấp nền giáo dục chất lượng hàng đầu hay không.

⁴⁸ Như Singapore (hạng 21), Malaysia (38), Thái Lan (46), Indonesia (54), Philippines (55).

⁴⁹ Trường ĐH Duy Tân: vị trí 401-500, Trường ĐH Tôn Đức Thắng: vị trí 401-500, ĐH Quốc gia Hà Nội: vị trí 1.001-1.200, Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội: vị trí 1.201+, ĐH Quốc gia TP.HCM: vị trí 1.201+.

⁵⁰ Trường ĐH Tôn Đức Thắng (*vị trí 387, tăng 236 bậc*), Trường ĐH Duy Tân (*vị trí 577, lần đầu tiên có mặt trong danh sách*), ĐH Quốc gia Hà Nội (*vị trí 938, tăng 11 bậc*), ĐH Quốc gia TP.HCM (*vị trí 1.187, tăng 84 bậc*), Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội (*vị trí 1.449*).

⁵¹ ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH Quốc gia TP.HCM, Trường ĐH Duy Tân (*trong nhóm 801-1000*), Trường ĐH Tôn Đức Thắng (*trong nhóm 1001-1200*), Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (*trong nhóm 1201-1400*).

⁵² ĐH Quốc gia Hà Nội, Trường ĐH Tôn Đức Thắng, Trường ĐH Duy Tân, Trường ĐH Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Trường ĐH Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, ĐH Đà Nẵng, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Huế, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM; Trường ĐH Mô Địa chất.

⁵³ Trường ĐH Tôn Đức Thắng (*vị trí 82*) và Trường ĐH Duy Tân (*vị trí 107*); ĐH Quốc gia Hà Nội (*vị trí 301-350*); ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (*vị trí 401-500*) và Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội (*vị trí 501+*).

⁵⁴ ĐH Quốc gia Hà Nội (*vị trí 147*); Trường ĐH Tôn Đức Thắng (*vị trí 142*); ĐH Quốc gia TP.HCM (*vị trí 179*); Trường ĐH Duy Tân (*vị trí 210*); Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (*trong nhóm 281-290*); ĐH Huế (*trong nhóm 401-450*); Trường ĐH Cần Thơ, ĐH Đà Nẵng (*trong nhóm 501-550*); Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Kinh tế TP. HCM (*trong nhóm 551-600*); Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM (*trong nhóm 601-650*).

⁵⁵ ĐH Quốc gia Hà Nội (*vị trí 601-800*), Trường ĐH Tôn Đức Thắng (*vị trí 601-800*), Trường ĐH Bách khoa Hà Nội (*vị trí 601-800*) và Trường ĐH Phenikaa (*vị trí 801-1000*), Trường ĐH Duy Tân (*vị trí 601-800*), Trường ĐH Kinh tế quốc dân (*vị trí 601-800*) và Trường ĐH FPT (*vị trí 801-1000*).

lần thứ 4⁵⁶, nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của học sinh, sinh viên; giúp học sinh, sinh viên thay đổi tư duy, nhận thức, dám nghĩ, dám làm và có khát vọng lớn để biến ước mơ, ý tưởng thành hiện thực; tăng cường các hoạt động kết nối, xúc tiến đầu tư đối với các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên có tính khả thi cao và tôn vinh các cá nhân, tập thể có những ý tưởng sáng tạo, giải pháp kinh doanh mới, phù hợp thực tiễn. Các cơ sở giáo dục, đào tạo ngày càng quan tâm tới khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (75% cơ sở đào tạo đã tổ chức các lớp kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên; hình thành các quỹ hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp⁵⁷). Số lượng, chất lượng ý tưởng, dự án ngày càng tăng (trong 4 năm tổ chức đã thu hút được hơn 1.600 dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên; một số ý tưởng, dự án của sinh viên đã được thành lập doanh nghiệp hoặc được các doanh nghiệp lớn mua lại).

4. Quan tâm giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất, y tế trường học và giáo dục quốc phòng, an ninh

Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030⁵⁸ và Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030”⁵⁹, với mục tiêu tiếp tục tăng cường, tạo chuyển biến tích cực, toàn diện trong hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng góp phần xây dựng thể hệ thanh niên, thiếu niên, nhi đồng có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa, tuân thủ pháp luật, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lý tưởng cách mạng; có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội, có kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, tay nghề cao đồng thời khơi dậy trong thanh niên, thiếu niên, nhi đồng tinh thần thi đua học tập, rèn luyện; ước mơ, hoài bão, ý chí, khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp; đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Đồng thời, chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương, các cơ sở GDĐT triển khai thực hiện Chỉ thị tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường⁶⁰ nhằm khắc phục một số hạn chế trong công tác xây dựng văn hóa học đường trong thời gian qua và tiếp tục xây dựng nền giáo dục với tư tưởng phát triển con người toàn diện, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đồng thời tăng cường đầu tư phát triển văn hóa, xây dựng văn hóa học đường tạo môi trường, điều kiện thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tin, khát vọng, tự hào dân tộc đối với học sinh, sinh viên.

⁵⁶ Ngày hội Khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ 4 được tổ chức ngày 26/3/2022, với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và lãnh đạo một số Ban, Bộ, ngành trung ương, lãnh đạo tỉnh Vĩnh Phúc.

⁵⁷ Diễn hình Quỹ BK-Funds của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

⁵⁸ Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 11/11/2021 về ban hành Chương trình "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021-2030".

⁵⁹ Quyết định số 311/QĐ-TTg ngày 05/3/2022 phê duyệt Chương trình "Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022-2030".

⁶⁰ Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 02/6/2022 về tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường.

Bộ GDĐT đã trình Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025⁶¹ nhằm bảo đảm chăm sóc toàn diện về thể chất, tinh thần cho trẻ em, học sinh thông qua việc duy trì, đẩy mạnh hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và các trường chuyên biệt.

Các địa phương, cơ sở giáo dục đã tích cực đổi mới nội dung chương trình, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá môn học, các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh trong chương trình chính khóa và các hoạt động ngoại khóa theo hướng giảm áp lực cho học sinh, giáo viên và phụ huynh học sinh; giáo dục hài hòa đức, trí, thể, mỹ cho học sinh; chú trọng vào việc thực hành, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị trong quá trình học tập để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Trong bối cảnh dịch COVID-19 kéo dài, nhằm duy trì sân chơi lành mạnh, nâng cao sức khỏe, thể chất, các địa phương tổ chức và tạo điều kiện cho học sinh tham gia các hoạt động thể thao⁶² phù hợp với tình hình diễn biến của dịch bệnh.

Tăng cường các hoạt động phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội để quản lý, giáo dục và đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên trong dịp hè 2022⁶³ góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục toàn diện, bảo đảm mọi học sinh, sinh viên có kỳ nghỉ hè an toàn, lành mạnh, bổ ích, tiếp thu thêm kiến thức, kỹ năng thông qua các hoạt động trải nghiệm tại nhà trường, địa phương, cộng đồng.

Triển khai hiệu quả các tài liệu, học liệu giáo dục nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ năng chủ động phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước cho học sinh, sinh viên; bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường các hoạt động vận động nhằm nâng cao tầm vóc, sức khỏe thể chất của học sinh, sinh viên. Đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, các địa phương đã tích cực chủ động, kịp thời ban hành các hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng, chống dịch bệnh cho cán bộ, giáo viên và phụ huynh học sinh; phối hợp chặt chẽ với gia đình theo dõi, quản lý sức khỏe của người học để phòng ngừa, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh nhằm xử lý, ngăn chặn kịp thời; phối hợp với cơ sở y tế địa phương lên các phương án phòng dịch và xử lý các tình huống phát sinh; triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất, Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở”, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn trường học, kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, xây dựng cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường.

⁶¹ Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025.

⁶² Hội khỏe Phù Đổng; Giải Chạy dành cho học sinh, sinh viên “S - Race 2022”; Giải Bơi học sinh phổ thông toàn quốc năm 2022 tại Đà Nẵng; Giải Điền kinh học sinh phổ thông toàn quốc năm 2022; Giải Bóng đá học sinh Tiểu học và THCS toàn quốc Cup Milo; Giải Cờ vua học sinh toàn quốc năm 2022 Cup TOTA.

⁶³ Công văn số 2288/BGDĐT-GDCTHSSV ngày 01/6/2022 về việc tăng cường các hoạt động phối hợp quản lý, giáo dục và đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên trong dịp hè 2022.

5. Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, từng bước khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên

Các địa phương tiếp tục chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018⁶⁴. Tính đến nay, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục của các địa phương đã hoàn thành bồi dưỡng các mô đun ưu tiên, được trang bị kiến thức và kỹ năng để thực hiện Chương trình GDPT 2018, đổi mới cách thức tiếp cận trong giảng dạy và giáo dục học sinh. Cụ thể: hoàn thành các khóa bồi dưỡng đại trà cho 641.240 giáo viên (trong đó, có 322.082 giáo viên tiểu học, 216.204 giáo viên trung học cơ sở, 102.954 giáo viên trung học phổ thông) và 48.422 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (trong đó, cấp tiểu học có 25.562 người, trung học cơ sở có 16.784 người, trung học phổ thông có 6.076 người); hoàn thành bồi dưỡng 6 mô đun ưu tiên cho 30.127 giáo viên cốt cán (đạt 105,3% so với mục tiêu đề ra) và 3.815 cán bộ quản lý cốt cán (đạt 106% so với mục tiêu đề ra); 63/63 sở GDĐT có đội ngũ cốt cán có trình độ, được bồi dưỡng 06 mô đun cốt lõi, đủ về số lượng, đại diện các môn học, đáp ứng cơ cấu vùng miền, được trang bị năng lực triển khai Chương trình GDPT 2018, sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp một cách có hiệu quả. Các Sở GDĐT xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng đội ngũ theo hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến, Bộ GDĐT đã chủ động xây dựng cẩm nang hướng dẫn kỹ năng dạy học trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và tổ chức tập huấn cho gần 9.000 giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý tại 63 tỉnh, thành phố nhằm nâng cao năng lực tổ chức dạy học trực tuyến và dạy học qua truyền hình đối với GDPT và hướng dẫn giáo viên xây dựng, sử dụng tài liệu, học liệu trực tuyến để hướng dẫn cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non. Sau hơn 2 năm triển khai dạy học trực tuyến do ảnh hưởng của dịch COVID-19, đến nay phần lớn giáo viên đã quen và tiếp cận được cách thiết kế, biên soạn bài giảng điện tử để làm phong phú thêm phương pháp và nội dung giảng dạy.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch triển khai lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên giai đoạn 2020 - 2025⁶⁵; Kế hoạch tổng thể về công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy lớp 1 từ năm học 2020 - 2021, lớp 2 và lớp 6 từ năm học 2021 - 2022 để chuẩn bị đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn; tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt là thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo các đề án về đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp đã ban hành⁶⁶; giao chỉ tiêu tuyển sinh sư phạm

⁶⁴ Hầu hết các địa phương đã ban hành Nghị quyết về việc hỗ trợ kinh phí hợp đồng lao động giáo viên năm học 2021-2022 để đảm bảo đủ giáo viên trong các cơ sở giáo dục; ưu tiên giáo viên có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo các yêu cầu đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

⁶⁵ Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ GDĐT.

⁶⁶ (1) Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở GDĐT đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT giai đoạn 2019-2030”; (2) Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo

cho các cơ sở đào tạo giáo viên, mở mã ngành đào tạo cho các môn học mới trong Chương trình GDPT 2018. Hiện nay, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo (theo Luật Giáo dục 2019), cấp mầm non là 91,7%; tiểu học là 74,8%; trung học cơ sở là 86,1%; trung học phổ thông là 99,9%.

Bộ GDĐT đã hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục⁶⁷ để thực hiện tốt các quy định về công tác tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, tinh giản biên chế ngành Giáo dục và khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, nhất là các tỉnh miền núi; bảo đảm nguyên tắc “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp”, ưu tiên bảo đảm giáo viên thực hiện Chương trình GDPT 2018. Phối hợp với Bộ Nội vụ trình các cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung biên chế giáo viên theo lộ trình đến năm 2026. Đến nay, Bộ Chính trị đã quyết định bổ sung 65.980 biên chế giáo viên bổ sung cho các địa phương cả giai đoạn 2022-2026⁶⁸.

Để có giải pháp phù hợp hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong ngành Giáo dục bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, đặc biệt là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động làm việc trong các cơ sở giáo dục ngoài công lập, Bộ GDĐT đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết thực hiện một số chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19⁶⁹; chỉ đạo các địa phương tổ chức rà soát thực trạng chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập⁷⁰ để nắm bắt tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Từ đó, đề xuất các chính sách đặc thù nhằm nâng cao đời sống đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập nhằm khắc phục hậu quả do dịch COVID-19.

6. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục

Bộ GDĐT tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, các cơ sở giáo dục triển khai rà soát thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và xác định nhu cầu để triển khai mua sắm bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo lộ trình triển khai Chương trình GDPT 2018; đánh giá thực trạng các điểm trường lẻ, các trường có

dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDPT giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025"; (3) Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2018 - 2025”.

⁶⁷ Kế hoạch số 332/KH-BGDĐT ngày 25/3/2022 về việc rà soát công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng, đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục.

⁶⁸ Quyết định số 71-QĐ/TW của Bộ Chính trị về tổng biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.

⁶⁹ Tờ trình số 582/TTr-BGDĐT ngày 31/5/2022 về việc ban hành Nghị quyết thực hiện một số chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở GDMN, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Báo cáo số 768/BC-BGDĐT ngày 11/7/2022 tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị quyết thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

⁷⁰ Theo Kế hoạch số 354/KH-BGDĐT ngày 28/3/2022 về việc rà soát thực trạng chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

quy mô nhỏ; xây dựng lộ trình cụ thể, phù hợp để triển khai sắp xếp các trường và bố trí số lượng học sinh/lớp theo quy định đảm bảo nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân, quyền lợi học tập của học sinh, phù hợp với quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục; xác định nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo phòng học (ưu tiên bảo đảm 1 lớp/phòng cho cấp tiểu học), phòng chức năng, thư viện, nhà vệ sinh, nhà ăn, phòng ở cho học sinh nội trú, học sinh bán trú theo các quy định⁷¹, để bảo đảm đủ điều kiện thực hiện Chương trình GDPT 2018, đặc biệt chú trọng các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, khu đông dân cư, các khu công nghiệp.

Tình trạng trường lớp có quy mô nhỏ, xuống cấp đã dần được khắc phục. Sĩ số học sinh/lớp cơ bản được thực hiện theo quy định, nhiều địa phương đã chú ý thực hiện các giải pháp bảo đảm thuận lợi, an toàn cho việc đi lại của học sinh khi đến trường. Việc đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học để triển khai Chương trình GDPT 2018 được quan tâm, trong đó có các hạng mục như: phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện, nhà vệ sinh, công trình nước sạch, bổ sung thiết bị dạy học, bảo đảm khuôn viên, cảnh quan môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp; khắc phục tình trạng thiếu nhà vệ sinh, công trình nước sạch ở các cơ sở giáo dục trung học.

Hiện nay, cả nước có khoảng 459.100 phòng học các cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập, trong đó số phòng học kiên cố khoảng 390.834 phòng, đạt tỷ lệ kiên cố là 85,1% (trong đó, tiểu học 79,2%, trung học cơ sở 92,1%, trung học phổ thông 96,3%). Tỷ lệ phòng học/lớp ở cấp tiểu học là 0,96; cấp trung học cơ sở là 0,87; cấp trung học phổ thông là 0,93. Tỷ lệ trung bình phòng học kiên cố/lớp là 0,79 (trong đó, tiểu học 0,76; trung học cơ sở 0,79; trung học phổ thông 0,89). Cấp tiểu học có khoảng 31.658 phòng học bộ môn (đạt 2,5 phòng/trường). Cấp trung học cơ sở có khoảng 36.313 phòng học bộ môn (đạt 4,1 phòng/trường). Cấp trung học phổ thông có khoảng 11.077 phòng học bộ môn (đạt 5,26 phòng/trường).

Bộ GDĐT đã ban hành các danh mục thiết bị dạy học tối thiểu các cấp học phổ thông⁷², làm căn cứ để các cơ sở giáo dục khi lập kế hoạch mua sắm thiết bị dạy học bảo đảm đủ số lượng, chất lượng, hiệu quả, tránh lãng phí, ưu tiên các thiết bị phục vụ cho các lớp học đã thực hiện Chương trình GDPT 2018. Đồng thời, phát động cuộc thi Xây dựng thiết bị dạy học số lần thứ I năm 2022 nhằm khơi dậy ý thức chủ động, sáng tạo xây dựng thiết bị dạy học số; xây dựng và phát triển kho học liệu số về thiết bị dạy học có chất lượng.

⁷¹ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

⁷² Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành danh mục TBDH tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục TBDH tối thiểu cấp Trung học cơ sở và Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ban hành danh mục TBDH tối thiểu cấp Trung học phổ thông

Các địa phương tiếp tục thực hiện xã hội hóa giáo dục để huy động các nguồn lực của xã hội nhằm phát triển giáo dục, đào tạo tại địa phương; thực hiện quy định về ưu đãi đất đai, chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng hỗ trợ các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đã tổ chức phong trào xây dựng thiết bị dạy học tự làm để bổ sung, cải tiến, sửa chữa nhằm phát huy hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học đã được trang bị, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

Bộ GDĐT đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương đề xuất nhu cầu của ngành để triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Bộ GDĐT đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện huy động các nguồn lực của xã hội để hỗ trợ việc dạy và học trực tuyến cho học sinh vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua Chương trình “Sóng và máy tính cho em”. Đến nay, chương trình đã phủ sóng được gần 1.000 điểm lõm sóng trên toàn quốc và bàn giao 92.629 máy tính cho 21 tỉnh, thành phố từ nguồn của các doanh nghiệp viễn thông; Unicef đã bàn giao 1.500 máy tính bảng cho 03 tỉnh⁷³; toàn ngành Giáo dục đã huy động được 146,892 tỷ đồng, 30.612 máy tính bảng, 31.305 điện thoại thông minh và 99.479 thiết bị hỗ trợ học trực tuyến khác để trao cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Các nhà tài trợ thuộc khối ngân hàng và khối doanh nghiệp thuộc Ủy ban Quản lý vốn nhà nước đã chuyển tổng số tiền là 500 tỷ đồng (tương đương với 200.000 máy tính) về cho các địa phương.

7. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về GDĐT, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra

Năm học 2021 - 2022, Bộ GDĐT đã chủ trì soạn thảo trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền được tổng số 54 văn bản, gồm: 03 Nghị định của Chính phủ; 11 Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và 40 Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT, trong đó, có nhiều văn bản quan trọng góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục⁷⁴. Các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng trên tinh thần kiến tạo môi trường pháp lý để tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, từng bước tháo gỡ các nút thắt, những vướng mắc từ thực tiễn đặt ra, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về GDĐT. Bộ GDĐT đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét,

⁷³ Gồm: Hà Giang, Hà Tĩnh và Kon Tum, mỗi tỉnh 500 máy, số máy này được quản lý tại Thư viện trường để học sinh mượn học trực tuyến khi giãn cách xã hội do dịch bệnh hoặc khi thiên tai xảy ra.

⁷⁴ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

ban hành Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁷⁵, triển khai xây dựng Luật Nhà giáo và nghiên cứu đề đề xuất xây dựng Luật Học tập suốt đời; rà soát Luật GDĐH.

Bộ GDĐT đã tiến hành rà soát hệ thống văn bản pháp luật trong lĩnh vực giáo dục để đề xuất ban hành văn bản nhằm sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản có nội dung bất cập, không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Thường xuyên thực hiện việc thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thông qua báo cáo của các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý, thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Các sở GDĐT đã thực hiện nhiệm vụ chủ trì hoặc tham mưu soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật trình hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các quy định tại địa phương về triển khai kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng⁷⁶; về triển khai Chương trình GDPT 2018; về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; về công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Các Sở GDĐT đã tham gia góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giúp các quy định của pháp luật sát hơn với thực tiễn.

Thực hiện Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước⁷⁷, Bộ GDĐT đã tập trung kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; công bố công khai các thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định. Rà soát và cập nhật toàn bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ; gắn kết danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cập nhật, chuẩn hóa với 213 thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (đạt 100%)⁷⁸. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 lĩnh vực giáo dục và đào tạo (trong đó: 03 dịch vụ ở mức độ 3, 48 dịch vụ ở mức độ 4); kết nối với cổng dịch vụ công Quốc gia và cung cấp 12 dịch vụ công trực tuyến.

Bộ GDĐT đã hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong giáo dục và đào tạo⁷⁹. Trong năm học 2021 - 2022, Bộ GDĐT đã tiến hành

⁷⁵ Tờ trình 445/TTr-BGDĐT ngày 22/4/2022.

⁷⁶ 63/63 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch Kế hoạch thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng của địa phương.

⁷⁷ Theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

⁷⁸ Công văn số 2324/BGDĐT-VP ngày 03/6/2022 về việc hoàn thành chuẩn hóa Danh mục kết quả, thành phần hồ sơ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

⁷⁹ Công văn số 623/BGDĐT-TTr ngày 28/02/2022 về việc tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và Công văn số 624/BGDĐT-TTr ngày 28/02/2022 về việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ trong cơ sở GDĐH.

thanh tra chuyên đề về trách nhiệm, quyền hạn hội đồng trường, thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành một số cơ sở GDĐH về công tác tuyển sinh, đào tạo và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 và công tác tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ năm 2021⁸⁰; kiểm tra công tác tuyển sinh đại học, thạc sĩ; kiểm tra việc thành lập và hoạt động của Hội đồng trường; các điều kiện đảm bảo chất lượng tại 05 cơ sở GDĐH⁸¹; kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg và kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm và việc tổ chức lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT⁸²; kiểm tra thực hiện nhiệm vụ giáo dục dân tộc, giáo dục mầm non, giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học⁸³. Kết quả thanh tra, kiểm tra đã góp phần phòng ngừa, phát hiện những sai phạm, hạn chế, thiếu sót trong quản lý và kịp thời kiến nghị xử lý vi phạm, đề xuất các biện pháp khắc phục, góp phần chấn chỉnh, duy trì kỷ cương, nề nếp trong hoạt động giáo dục.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn ngành

Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"⁸⁴, với mục tiêu đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Toàn ngành đã chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong quản lý giáo dục. Đến nay, 100% các cơ sở GDĐT đã kết nối internet tốc độ cao, 90% các trường sử dụng phần mềm quản lý, trong đó hầu hết là phần mềm quản lý theo mô hình trực tuyến.

Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, ngành Giáo dục đã chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách hỗ trợ dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình⁸⁵ như: xây dựng giải pháp tổng thể về dạy học trực tuyến đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả theo hướng tích hợp, kết hợp đồng bộ các chức năng phục vụ tổ chức và quản lý dạy học trực tuyến; phát triển bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử; xây dựng tài liệu hướng dẫn dạy học trực tuyến để hỗ trợ giáo viên tổ chức dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng. Chuẩn bị các điều kiện để tổ

⁸⁰ Trường ĐH Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH Giao thông vận tải, Trường ĐH Y dược, ĐH Huế, quản lý giáo dục đối với UBND tỉnh Quảng Ninh; chấm thi học sinh giỏi quốc gia năm 2022; thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước trong lựa chọn sách giáo khoa và quy trình lựa chọn sách giáo khoa tại 06 tỉnh; tổ chức công tác thanh tra kiểm tra và thực hiện kiểm tra công tác chuẩn bị thi, coi thi, chấm thi và phúc khảo Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

⁸¹ Học viện Cảnh sát nhân dân, Trường ĐHSPTK Nam Định, Trường ĐH Kinh tế Nghệ An, Trường ĐH Công nghiệp Vinh, Trường ĐH Công nghiệp Dệt may Hà Nội.

⁸² Thông báo số 519/TB-BGDĐT ngày 16/5/2022 tại SGD Hải Dương; Thông báo số 520/TB-BGDĐT ngày 16/5/2022 tại Sở GDĐT Bắc Ninh

⁸³ Tại tỉnh Yên Bái và Ninh Thuận.

⁸⁴ Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".

⁸⁵ Quyết định số 3439/QĐ-BGDĐT ngày 19/10/2021 Phê duyệt Đề án "Triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách hỗ trợ dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình trong ngành Giáo dục, năm học 2021 - 2022".

chức dạy học trực tuyến như: phần mềm, học liệu, trang thiết bị đầu cuối; tập huấn và sẵn sàng tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến; cung cấp nguồn học liệu điện tử hỗ trợ tổ chức dạy học trực tuyến nhằm kịp thời hỗ trợ địa phương, cơ sở giáo dục, giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh được tiếp cận nguồn học liệu chính thống, chất lượng, đa dạng, phong phú phục vụ hiệu quả quá trình dạy và học trực tuyến. Kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành với gần 5.000 bài giảng E-learning, hơn 2.000 video bài giảng dạy trên truyền hình, 200 thí nghiệm ảo, 35.000 câu hỏi trắc nghiệm, gần 200 đầu SGK theo Chương trình GDPT. Đồng thời, phát động cuộc thi quốc gia “Thiết kế bài giảng điện tử” với hơn 43.000 bài giảng điện tử do giáo viên biên soạn.

Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục được ứng dụng mạnh mẽ trong quản lý, điều hành. Số hóa, gắn mã định danh hầu hết các đối tượng cần quản lý: 51.000 trường học mầm non, phổ thông; gần 24 triệu học sinh (số hóa các thông tin về lý lịch, quá trình học tập, rèn luyện, sức khỏe ...); hơn 1,4 triệu giáo viên (hồ sơ, trình độ chuyên môn, đánh giá theo chuẩn). Từ đó, ứng dụng có hiệu quả trong quản lý giáo dục đồng bộ trên phạm vi toàn quốc về: quản lý thừa, thiếu và đánh giá chất lượng đội ngũ giáo viên; bước đầu số hóa thông tin phục vụ quản lý sức khỏe học sinh trên cả nước; quản lý điều hành các hoạt động tiếp nhận, phân bổ và bàn giao sử dụng máy tính tới từng học sinh thuộc chương trình “Sóng và máy tính cho em”, theo dõi tiến độ tiêm vắc-xin của học sinh trên cả nước và ứng dụng mạnh mẽ trong báo cáo thông tin phục vụ quản lý điều hành của ngành giáo dục khi mở cửa trường học trở lại.

Triển khai xây dựng Chính phủ điện tử đã có những bước tiến quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ. Bộ GDĐT đã thực hiện kết nối thành công Cơ sở dữ liệu Quốc gia ngành Giáo dục với Cơ sở dữ liệu Quốc gia Quốc gia về dân cư; kết nối, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu của hơn 1,4 triệu giáo viên trên tổng số 1,6 triệu giáo viên (đạt 88%) và khoảng 16 triệu hồ sơ học sinh (đạt 69,5%) trên tổng số 23 triệu học sinh; đến nay đã xác thực được gần 14 triệu hồ sơ giáo viên và học sinh từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia ngành với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư. Kết nối thành công Hệ thống phần mềm quản lý thi của Bộ và Hệ thống đăng ký xét tuyển đại học, cao đẳng (trong đó cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến xét tuyển cho thí sinh) với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, đảm bảo an toàn thông tin và sử dụng ổn định.

9. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”

Năm học 2021 - 2022, toàn ngành Giáo dục tiếp tục thực hiện Phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”, lồng ghép với Phong trào thi đua đặc biệt “Toàn ngành Giáo dục đoàn kết, chung sức, đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch COVID-19, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học”⁸⁶, gắn với các phong trào thi đua của Thủ tướng Chính phủ phát động và việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Nội dung phong trào thi đua bám sát Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn

⁸⁶ Kế hoạch số 1176/KH-BGDĐT ngày 27/10/2021

bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm của ngành theo từng năm học; các tiêu chí thi đua được cụ thể hóa cho phù hợp với chuyên môn mỗi cấp học, bậc học và trình độ đào tạo⁸⁷. Các cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch cụ thể hóa phong trào thi đua thành những tiêu chí thi đua phù hợp với thực tiễn đơn vị; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền; thường xuyên đưa tin về các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên hệ Công Thông tin điện tử của Bộ, trên Fanpage Bộ GDĐT, Báo Giáo dục và Thời đại và một số báo, đài địa phương; xây dựng phóng sự về các tấm gương điển hình tiên tiến; thành lập chuyên mục gương điển hình tiên tiến trên Website ngành, bản tin...

Trong điều kiện dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, các cán bộ quản lý giáo dục đã động viên, khích lệ giáo viên, giảng viên tích cực tham gia thi đua nhằm thực hiện mục tiêu vừa chủ động, linh hoạt áp dụng các biện pháp thích ứng an toàn với đại dịch theo từng cấp độ. Nhiều nhà giáo có những sáng tạo, đổi mới trong công tác giảng dạy để vừa nỗ lực phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ năm học, kiên trì mục tiêu chất lượng giáo dục và đào tạo. Qua phong trào thi đua đã khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong giảng dạy, giáo dục, quản lý và nghiên cứu khoa học.

Công tác khen thưởng được thực hiện bảo đảm đúng quy định, quy trình và kịp thời, khách quan, dân chủ; không để xảy ra các trường hợp khiếu nại, tố cáo. Khen thưởng đúng đối tượng, đúng thành tích đã kịp thời động viên những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, đặc biệt là đã quan tâm khen thưởng tới các nhà giáo, người lao động trực tiếp⁸⁸.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm học 2021 - 2022, dịch COVID-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng nặng nề đến nhiều mặt của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Ngành Giáo dục đã chủ động chuyển trạng thái hoạt động, tổ chức dạy học linh hoạt theo Khung kế hoạch năm học, hướng dẫn tinh giản chương trình, chuẩn bị các điều kiện dạy học trực tuyến nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của dịch bệnh, kiên trì theo đuổi mục tiêu chất lượng; tận dụng tối đa thời gian tổ chức dạy học trực tiếp khi dịch bệnh được kiểm soát, kết hợp dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình khi dịch bệnh diễn biến phức tạp; phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà theo các kênh phù hợp đối với trẻ em mầm non. Điều này thể hiện sự nỗ lực, cố gắng khắc phục khó khăn của toàn ngành Giáo dục, nhằm hoàn thành mục tiêu kép, vừa phòng, chống dịch

⁸⁷ Công văn số 5249/BGDĐT-TĐKT ngày 15/11/2021 về hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua, khen thưởng năm học 2021-2022 khối các sở giáo dục và đào tạo; Công văn số 1965/BGDĐT-TĐKT ngày 11/5/2022 về tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng khối các đơn vị trực thuộc Bộ năm học 2021-2022 và năm 2022.

⁸⁸ Năm 2021, tỷ lệ khen thưởng cho đối tượng lãnh đạo quản lý là 13,7%; giáo viên, nhân viên 86% (năm 2020, tỷ lệ khen cho đối tượng lãnh đạo quản lý là 28,6%; giáo viên, nhân viên 71,4%). Như vậy, tỷ lệ khen cho đối tượng là lãnh đạo quản lý của năm 2021 so với năm 2020 giảm 14,9%, tỷ lệ khen cho đối tượng là giáo viên, nhân viên của năm 2021 so với năm 2020 tăng 14,6% (số liệu báo cáo năm 2021).

COVID-19, vừa ra sức phấn đấu khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ năm học, đáp ứng yêu cầu đổi mới và bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo.

Ngành Giáo dục tiếp tục hoàn thiện thể chế, nhằm tháo gỡ những “nút thắt”, tạo hành lang pháp lý cho đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW của Trung ương. Các văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng trên tinh thần kiến tạo môi trường pháp lý để tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từng bước tháo gỡ các nút thắt, những vướng mắc từ thực tiễn đặt ra, tạo hành lang pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, được nhân dân ủng hộ, đồng tình. Việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở Luật Giáo dục năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH đã thúc đẩy thực hiện tự chủ đại học theo hướng hội nhập quốc tế, góp phần quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, Bộ GDĐT đã tham mưu trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành các nghị định, đề án, kế hoạch về phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó đã phân công trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan và các địa phương trong triển khai thực hiện. Qua đó, đã tăng cường vai trò, trách nhiệm của các bộ, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương trong sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo.

Tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông 2022 đảm bảo nghiêm túc và an toàn. Sau hai năm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên phải tổ chức Kỳ thi thành 2 đợt, năm nay khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, Kỳ thi chỉ diễn ra trong một đợt. Đây cũng là năm đầu tiên thí sinh đang học lớp 12 thực hiện đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông theo hình thức trực tuyến trên hệ thống quản lý thi. Nội dung đề thi nằm trong chương trình trung học phổ thông, chủ yếu lớp 12. Các nội dung kiến thức được tinh giản do tác động của dịch COVID-19 các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021 và 2021 - 2022 đã không đưa vào đề thi năm nay. Kết quả phân tích phổ điểm cho thấy đề thi có sự phân hóa phù hợp bảo đảm khách quan để xét công nhận tốt nghiệp và cung cấp dữ liệu cho các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp sử dụng để tuyển sinh theo tinh thần tự chủ.

Chất lượng GDPT cả đại trà và mũi nhọn tiếp tục nâng lên, được quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Theo kết quả xếp hạng các quốc gia tốt nhất về giáo dục năm 2021 của USNEWS, Việt Nam xếp thứ 59, tăng 5 bậc so với năm 2020. Kết quả thi Olympic khu vực và quốc tế năm 2022, với 37/39 thí sinh đạt giải, trong đó có 01 thí sinh đạt điểm tuyệt đối. Thành tích xuất sắc của các đội tuyển đã khẳng định nỗ lực vượt bậc trong học tập, rèn luyện của học sinh, giáo viên và các nhà trường trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; đồng thời, khẳng định chất lượng GDPT, ngay cả trong 3 năm học chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19 và hướng đi đúng của Bộ GDĐT trong công tác dạy học, phát hiện, tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi.

Tự chủ đại học đã mở ra nhiều cơ hội cho các cơ sở giáo dục đại học, đặc biệt là trong thu hút nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; đầu tư điều kiện thực hiện chương trình đào tạo, liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học... Chất lượng

GDDH có những cải thiện rõ rệt, năm 2021, 05 cơ sở GDDH lọt vào tốp đại học tốt nhất thế giới theo các bảng xếp hạng quốc tế có uy tín, vượt mục tiêu năm 2025 của Đề án nâng cao chất lượng GDDH giai đoạn 2019 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Số lượng các sản phẩm công bố quốc tế của các cơ sở GDDH gia tăng nhanh chóng. Văn hóa kiểm định gắn với chất lượng đào tạo đã bước đầu hình thành ở các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học.

Toàn ngành đã tăng cường chuyển đổi số và đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng hạ tầng học tập quốc gia; xây dựng kho học liệu số; tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học trực tuyến, trên truyền hình và kiểm tra, đánh giá trong bối cảnh dịch COVID-19. Kết nối thành công Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư; kết nối, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu của 1,4 triệu hồ sơ giáo viên và cán bộ quản lý (đạt 88%) và hơn 12 triệu hồ sơ học sinh (đạt 52%). Số hóa và gắn mã định danh hầu hết các đối tượng cần quản lý (bao gồm: 51.000 trường học mầm non, phổ thông; gần 24 triệu học sinh, hơn 1,4 triệu giáo viên). Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 lĩnh vực giáo dục và đào tạo (trong đó: 03 dịch vụ ở mức độ 3, 48 dịch vụ ở mức độ 4); kết nối với cổng dịch vụ công Quốc gia và cung cấp 12 dịch vụ công trực tuyến. Tích hợp tích hợp, công khai Dịch vụ công trực tuyến “Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông” và “Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2022” trên cổng Dịch vụ công Quốc gia.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc triển khai thực hiện kế hoạch năm học 2021 - 2022 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Cụ thể như:

Các quy định, hướng dẫn của Bộ triển khai việc dạy và học trong bối cảnh dịch COVID-19 còn mang tính ứng phó tạm thời, chưa thực sự chủ động. Nhiều địa phương thiếu trang thiết bị học trực tuyến, đặc biệt là các tỉnh có vùng dân tộc, miền núi, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học trực tuyến. Bên cạnh đó, do sử dụng phần mềm dạy học miễn phí nên chất lượng không tốt, đường truyền internet có nhiều nơi, nhiều lúc không ổn định, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy, học. Việc học trực tuyến đối với học sinh tiểu học, nhất là đối với lớp 1, lớp 2 gặp khó khăn hơn do các em còn nhỏ, chưa có điều kiện để làm quen với phương thức học tập này. Thời gian dạy học trực tuyến kéo dài trong bối cảnh các điều kiện thực hiện còn nhiều hạn chế đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của học sinh; sau khi trở lại trường học, trình độ, kiến thức của các em cũng có sự khác nhau. Công tác phối hợp giữa gia đình với nhà trường trong việc quản lý, duy trì nề nếp, thời gian tham gia học tập trực tuyến, trực tiếp của các em gặp nhiều khó khăn.

Tổ chức quản lý, hoạt động của các cơ sở giáo dục mầm non gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các cơ sở áo dục mầm non ngoài công lập chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, nhiều cơ sở có nguy cơ phải đóng cửa vì không duy trì được hợp đồng giáo viên, không có kinh phí chi trả cho giáo viên. Tỷ lệ trường tiểu

học tổ chức bán trú còn thấp nên cha mẹ học sinh gặp khó khăn khi đưa con đến trường học 2 buổi/ngày. Các trường tiểu học ở các huyện miền núi có nhiều điểm trường lẻ và lớp ghép với khoảng cách xa nên việc quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có nhiều bất cập. Một số địa phương, khu đô thị và các thành phố lớn do áp lực tăng dân số cơ học quá nhanh dẫn đến sĩ số học sinh/lớp cao như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai...

Tỉ lệ giáo viên/lớp bình quân chưa đáp ứng được yêu cầu theo quy định thực hiện Chương trình GDPT 2018. Thiếu giáo viên môn Tiếng Anh, Tin học đối với tiểu học; môn Âm nhạc, Mỹ thuật đối với trung học phổ thông khi áp dụng Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2022 - 2023. Một số địa phương còn bị động về nguồn tuyển dụng; chưa có nhà công vụ cho giáo viên ở các địa bàn khó khăn; không có chính sách thu hút giáo viên đến công tác ở những địa bàn khó khăn hơn; còn nhiều bất cập trong việc bố trí giáo viên Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ dạy liên trường, liên cấp. Nhân lực y tế trường học còn thiếu và yếu ở nhiều địa phương dẫn đến phải huy động hầu hết cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm công tác phòng, chống dịch. Kinh phí cho việc mua sắm thiết bị phòng, chống dịch trong các cơ sở giáo dục còn hạn chế.

Sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6 biên soạn theo Chương trình GDPT 2018 còn có ý kiến phản ánh về một số vấn đề liên quan như kênh hình, kênh chữ còn chưa phù hợp với một số vùng miền, một số từ ngữ mang tính địa phương - phương ngữ; một số đoạn văn, bài thơ đưa vào sách giáo khoa chưa hay; một số thông tin trong một số môn học chưa cụ thể và gần gũi với học sinh.

Mạng lưới trường lớp, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đã được tăng cường đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục, đặc biệt ở một số trường chuyên biệt vùng dân tộc thiểu số, miền núi, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu, tỉ lệ huy động học sinh dân tộc thiểu số đi học phổ thông còn thấp so với bình quân chung cả nước và không đồng đều giữa các dân tộc. Chất lượng, cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý trong các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số còn bất cập, một số chính sách phát triển giáo dục, chính sách hỗ trợ cho người dạy, người học ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã lạc hậu, không còn phù hợp nhưng chưa được điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Việc thực hiện tự chủ đại học theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học còn chưa đồng bộ dẫn đến việc triển khai ở một số cơ sở đào tạo còn chậm, lúng túng, đặc biệt là vấn đề thành lập hội đồng trường, quan hệ giữa hội đồng trường với đảng ủy và ban giám hiệu, dẫn đến tình trạng khiếu kiện kéo dài chưa được giải quyết tại một số đơn vị.

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên còn chưa chủ động, kịp thời đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp phải chuyển sang dạy học trực tuyến; công tác hỗ trợ, tư vấn tâm lý, kỹ năng

phòng, chống bạo lực, bắt nạt, xâm hại trẻ em, học sinh, sinh viên khi học tập trực tuyến và sử dụng môi trường mạng còn chưa thực sự hiệu quả.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, công tác xây dựng kế hoạch là nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác quản lý và là cơ sở để thúc đẩy thực hiện các mục tiêu đề ra. Do đó, kế hoạch năm học cần được xây dựng một cách linh hoạt, có tính khả thi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh, sinh viên; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch để kịp thời có những giải pháp tháo gỡ.

Thứ hai, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo để tạo khung pháp lý và kịp thời đôn đốc, tháo gỡ, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn; các địa phương tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ từ cơ quan chủ trì triển khai đến người thụ hưởng chính sách để nâng cao hiệu quả khi thực thi chính sách; tăng cường tuyên truyền phổ biến, giải đáp các vướng mắc để đảm bảo bộ nhận thức, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện chính sách. Tích cực và chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền các cấp, đề xuất những chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo phù hợp với từng địa phương.

Thứ ba, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, quản trị các nhà trường; chủ động phát hiện vấn đề nảy sinh để có giải pháp giải quyết kịp thời trong công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo, điều hành; bám sát thực tiễn hoạt động giáo dục, đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, chính sách, nhiệm vụ và giải pháp cho phù hợp trong quá trình triển khai. Đẩy mạnh phân cấp, thực hiện tự chủ cho địa phương và cơ sở giáo dục, đặc biệt là tự chủ trong các cơ sở GDDH gắn với trách nhiệm giải trình.

Thứ tư, chú trọng công tác xây dựng, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm đội ngũ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, có khả năng thích ứng với dạy học trực tuyến, đào tạo từ xa, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết và tận tụy với nghề, thực sự là tấm gương cho học sinh noi theo; đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Thứ năm, tăng cường nguồn lực đầu tư trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư thông qua xã hội hóa giáo dục; ưu tiên đầu tư nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để bảo đảm khả thi, tránh lãng phí về nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. Tập trung nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện thể chế.

Thứ sáu, công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát cần tăng cường theo hướng trọng tâm, trọng điểm; xử lý nghiêm và công khai đối với các vi phạm để duy trì trật tự, kỷ cương, nền nếp các hoạt động giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực; tăng cường kiểm tra thực hiện kết luận sau thanh tra.

Thứ bảy, làm tốt công tác truyền thông, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo. Công tác truyền thông, tuyên truyền

cần phải được đẩy mạnh, chủ động, song hành với các hoạt động giáo dục, tạo sự đồng thuận trước hết là của các thầy giáo, cô giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; cần sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp quản lý giáo dục cao nhất ở Trung ương đến địa phương; sự kết nối chặt chẽ giữa các đơn vị thuộc Bộ, giữa Bộ với các Sở GDĐT và các cơ sở giáo dục; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và truyền hình ở Trung ương và địa phương để cùng đồng hành với ngành trong các chủ trương, chỉ đạo và hoạt động của ngành Giáo dục.

Thứ tám, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn là hết sức quan trọng, nhất là khi có sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của các đồng chí bí thư tỉnh ủy, thành ủy và các đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Thực tiễn cho thấy, ở đâu và khi nào, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo đối với ngành Giáo dục địa phương thì ở đó chất lượng giáo dục được cải thiện rõ rệt, các vấn đề về giáo dục và đào tạo mà nhân dân bức xúc giảm hẳn.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

NĂM HỌC 2022 - 2023

Năm học 2022 - 2023, toàn ngành Giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về GDĐT; Chiến lược phát triển giáo dục 2021 - 2030, tầm nhìn 2045; đồng thời trên cơ sở những kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế, tồn tại trong năm học trước, ngành Giáo dục xác định chủ đề năm học 2022 - 2023 là ***“đoàn kết, nỗ lực vượt khó khăn, đổi mới sáng tạo, củng cố, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo”***, với phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Hoàn thiện thể chế, tăng cường phân cấp, phân quyền trong quản lý

Tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển GDĐT; rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ; triển khai nghiên cứu xây dựng Luật Nhà giáo, Luật Học tập suốt đời.

Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDĐT theo hướng phân cấp, phân quyền mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò kiến tạo để phát triển giáo dục. Tập trung xây dựng, phê duyệt và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, đề án, chương trình để cụ thể hóa các chủ trương và định hướng phát triển GDĐT theo từng năm và cho cả giai đoạn, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi để thực hiện các chỉ tiêu được Đảng, Quốc hội, Chính phủ giao cho ngành Giáo dục.

2. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tổng thể của ngành Giáo dục thích ứng với tình hình dịch COVID-19 bảo đảm tổ chức dạy và học an toàn, chất lượng. Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 chủ động, linh hoạt để thích ứng với tình hình thiên tai, dịch bệnh, vừa bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

Triển khai hiệu quả công tác giáo dục thể chất và y tế trường học, bảo đảm an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh và tai nạn thương tích. Tăng cường tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh; kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sức khỏe học đường.

Tổ chức, triển khai hiệu quả Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025”, Chương trình “Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025”; Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất, thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thể thao học sinh gắn kết với nội dung môn học giáo dục thể chất thuộc Chương trình GDPT 2018.

3. Tăng cường công tác chính trị đối với nhà giáo và học sinh, sinh viên

Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn ngành; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp thực sự gương mẫu, là tấm gương cho học sinh, sinh viên noi theo.

Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho học sinh, sinh viên; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các cơ sở GDĐT; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa học đường, chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh, phát huy những giá trị tích cực về thuần phong, mỹ tục, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh.

Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng giai đoạn 2021 - 2030”; Chương trình “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng trên không gian mạng giai đoạn 2022 - 2030”; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.

4. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp

Tổ chức triển khai thực hiện quyết định của Bộ Chính trị về việc bổ sung biên chế giáo viên cho các địa phương trong năm học 2022 - 2023 và những năm

tiếp theo, trong đó ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho các môn học mới trong Chương trình GDPT 2018.

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ; chú trọng triển khai bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, giảng dạy đáp ứng yêu cầu chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học và thực hiện Chương trình GDPT 2018. Thực hiện đào tạo giáo viên gắn với nhu cầu để bảo đảm đủ về cơ cấu, số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đặc biệt là bố trí đủ giáo viên dạy học các môn Ngoại ngữ và môn Tin học để triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3.

5. Thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho GDĐT. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT 2018; trong đó tập trung cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực GDĐT.

Tiếp tục thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 với Kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương giai đoạn 2021 - 2025 để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đặc biệt tại các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và các trường phổ thông có học sinh bán trú, trường dự bị đại học.

6. Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mầm non trong điều kiện mới và triển khai thí điểm Chương trình Giáo dục mầm non mới. Nâng cao chất lượng thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” và Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”. Phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; quan tâm phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn và vùng có khu công nghiệp. Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, khuyến khích các địa phương có điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo. Từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên; phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng nhóm, lớp độc lập tư thục.

Triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 3, lớp 7, lớp 10; nâng cao chất lượng biên soạn, thẩm định SGK lớp 4, lớp 8, lớp 11, SGK tiếng dân tộc và tài liệu giáo dục địa phương; tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT 2018 như chuẩn bị đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Trình Chính phủ phương án sử dụng ngân sách nhà nước mua sách giáo khoa phổ thông cho học sinh mượn để triển khai từ năm học 2022 - 2023. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình GDPT. Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông chất lượng, hiệu quả. Xây dựng kế hoạch về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong GDPT theo hướng mở; đổi mới nội dung, hình thức giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động. Củng cố, phát triển mạng lưới các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Đa dạng hóa nội dung chương trình, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được học tập liên tục, suốt đời; nâng cao chất lượng các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển và chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động. Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và đáp ứng nhu cầu học tập của người dân tộc thiểu số, người sống ở miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách khác. Phát triển các phương thức giáo dục hòa nhập, chuyên biệt và bán chuyên biệt để đáp ứng quyền được học tập của người học là người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 và phương án đến năm 2025 phù hợp với lộ trình triển khai Chương trình GDPT 2018.

7. Xây dựng quy hoạch mạng lưới và đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Khung chiến lược phát triển giáo dục đại học và Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học một cách toàn diện, thực chất, hiệu quả, đi vào chiều sâu gắn với trách nhiệm giải trình trong hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản; rà soát, sửa đổi, bổ sung thể

chế, chính sách về thực hiện tự chủ đại học, trong đó, tập trung tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình thực hiện tự chủ về tổ chức, quản trị và tài chính. Tăng cường giải pháp phát triển khoa học, công nghệ; thực hiện có hiệu quả các chính sách, pháp luật về khoa học và công nghệ; xây dựng nhiệm vụ khoa học công nghệ phù hợp với các nhiệm vụ chiến lược của ngành, chú trọng đến chuyển đổi số, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu và đào tạo, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ trong các cơ sở GDĐT.

Triển khai có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở GDĐT đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT giai đoạn 2019 - 2030. Có chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài hợp tác nghiên cứu, đào tạo trong các cơ sở GDĐT Việt Nam; đẩy mạnh việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Việt Nam. Khuyến khích mở rộng và đẩy mạnh các quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao để hình thành nhóm nghiên cứu quốc tế; thu hút các nguồn tài trợ quốc tế, chủ động tham gia mạng lưới nghiên cứu và trao đổi toàn cầu.

8. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn ngành

Tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong GDĐT; tăng cường các điều kiện đảm bảo và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy - học trực tuyến và trong công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

Tiếp tục xây dựng hạ tầng học tập quốc gia, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; triển khai nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến. Khuyến khích phát triển và khai thác dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực GDĐT. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu toàn ngành.

Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025”.

9. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDĐT nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm trong GDĐT. Chú trọng việc thanh tra trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng trường; thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của UBND tỉnh/thành phố, bộ, ngành; kiểm tra các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài; kiểm tra công tác tuyển sinh trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, điều kiện đảm bảo chất lượng; kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm; kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục.

10. Hội nhập quốc tế trong giáo dục

Tăng cường hội nhập quốc tế, chủ động mở rộng hợp tác song phương, đa phương; tăng cường hợp tác và đầu tư với nước ngoài, khuyến khích hợp tác với các cơ sở GDĐT từ các quốc gia phát triển; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, khuyến khích kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín được công nhận hoạt động ở Việt Nam. Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế đối với GDPT (PASEC, PISA...) và các bảng xếp hạng trường đại học có uy tín quốc tế (THE, QS...)/.

11. Đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua trong toàn ngành

Tổ chức các phong trào thi đua thiết thực chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam. Đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập” gắn với các phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động, việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Nâng cao nhận thức về vai trò của công tác thi đua, khen thưởng, coi thi đua là động lực để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Chủ động phát hiện, biểu dương và nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt trong toàn ngành.

12. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; tăng cường phối hợp, xử lý hiệu quả các vấn đề về truyền thông, nhất là các vấn đề xã hội quan tâm, bức xúc để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp nhiều hơn cho ngành./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO